

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/7/2023
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN H

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Căn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hữu Trục.
- Bà Trần Thị Thanh Xuân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Hồng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:** Ông Trương Công Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H (Số 60 đường N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 94/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 112/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị L, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: Tổ 4, phường S, thị xã P, tỉnh L. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Đỗ Đức T, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Lô 63 Khu quy hoạch Eo Bàu T (Khu quy hoạch H), phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 12 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị L trình bày: Chị và Anh Đỗ Đức T sau thời gian tìm hiểu được khoảng hai tháng thì đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện; được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H vào ngày 25/12/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống tại nhà cha, mẹ chồng tại địa chỉ số 74 đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do Anh Đỗ Đức T không đi làm và thường xuyên nhậu nhẹt, về nhà gây gổ với vợ con và nhiều lần

đuổi chị đi. Khi bị chồng đuổi, chị bỏ về nhà ngoại ở nhưng vì thương con nên chị lại quay trở về với anh T, việc chị bị đuổi và bỏ nhà đi rồi quay về cứ lặp đi lặp lại nhiều lần. Sau đó, Anh Đỗ Đắc T đã bốn lần say rượu bia và đánh đập chị. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Đỗ Đắc T.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và Anh Đỗ Đắc T có 02 con chung là cháu Đỗ Đăng Trúc A, sinh ngày 28/9/2007 và cháu Đỗ Đăng Khánh L, sinh ngày 20/3/2009. Hiện nay, cả hai cháu đều đang ở với chị. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu cháu Đỗ Đăng Trúc A và Đỗ Đăng Khánh L cho đến lúc các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tại đơn khởi kiện, chị yêu cầu Anh Đỗ Đắc T cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu, mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 25/4/2023, chị đã thay đổi ý kiến, nay chị không yêu cầu Anh Đỗ Đắc T cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và Anh Đỗ Đắc T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 20/02/2023, Toà án đã có thông báo về việc thụ lý vụ án số: 94/TB-TLVA và tổng đạt trực tiếp Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự số 58/GTT-TA, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 58/TB-TA ngày 31/3/2023 để bị đơn là Anh Đỗ Đắc T đến Tòa án vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 25/4/2023 và 14 giờ 00 phút ngày 28/4/2023 để làm việc, trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng Anh Đỗ Đắc T đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Ngày 28/4/2023, chị Đặng Thị L có đơn đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên toà lần thứ nhất vào ngày 20/6/2023, Anh Đỗ Đắc T đã được Tòa án triệu tập họp lệ mà vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Toà án đã ra quyết định hoãn phiên toà, ấn định lại thời gian xét xử vụ án vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 07/7/2023. Tòa án đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên toà và giấy triệu tập phiên toà lần thứ hai theo quy định pháp luật cho Anh Đỗ Đắc T, nhưng Anh Đỗ Đắc T vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Xét thấy: Toà án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đối với bị đơn Anh Đỗ Đắc T, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, là thuộc trường hợp cố tình vắng mặt, gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn chị Đặng Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng

xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn Anh Đỗ Đắc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn chị Đặng Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết vụ án theo hướng:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đặng Thị L, chị Đặng Thị L được ly hôn với Anh Đỗ Đắc T.

+ Về con chung: Giao 02 cháu Đỗ Đăng Trúc A, sinh ngày 28/9/2007 và Đỗ Đăng Khánh L, sinh ngày 20/3/2009 cho chị Đặng Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu Đỗ Đăng Trúc A, Đỗ Đăng Khánh L trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Đặng Thị L không yêu cầu Anh Đỗ Đắc T không cấp dưỡng tiền nuôi chung sau khi ly hôn, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đặng Thị L và Anh Đỗ Đắc T không có tài sản chung, nợ chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Đặng Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Anh Đỗ Đắc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Đặng Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L và Anh Đỗ Đắc T sau thời gian tìm hiểu được 02 tháng rồi đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H vào ngày 25/12/2007 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi

kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng, địa chỉ: Số 74 T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Cuộc sống của vợ chồng không được hạnh phúc. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do Anh Đỗ Đắc T không đi làm và thường xuyên nhậu nhẹt, về nhà gây gổ với vợ con và nhiều lần đuổi chị Đặng Thị L đi, anh T đã bốn lần say rượu bia đánh đập chị Lan. Nay chị Đặng Thị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng không thể hàn gắn được, nên chị Lan gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Đỗ Đắc T.

Theo biên bản xác minh tại tổ dân phố T, phường H, thành phố H cũng như lời khai của gia đình Anh Đỗ Đắc T vào ngày 17/4/2023 có nội dung: Về mâu thuẫn vợ chồng, gia đình anh và địa phương không nắm rõ. Tuy nhiên, chị Đặng Thị L không còn chung sống với Anh Đỗ Đắc T, chị đã bỏ nhà đi từ năm 2015 cho đến nay. Quá trình ly thân thì chị L không còn quan tâm chăm sóc chồng và gia đình chồng. Nay chị Đặng Thị L có đơn xin ly hôn với Anh Đỗ Đắc T thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Đặng Thị L và Anh Đỗ Đắc T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đặng Thị L, cho chị Đặng Thị L được ly hôn với Anh Đỗ Đắc T.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Đặng Thị L và Anh Đỗ Đắc T có hai con chung là cháu Đỗ Đặng Trúc A, sinh ngày 28/9/2007 và cháu Đỗ Đặng Khánh L, sinh ngày 20/3/2009. Hiện nay, cả hai cháu Đỗ Đặng Trúc A và Đỗ Đặng Khánh L đang ở với chị Đặng Thị L. Quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Đỗ Đặng Trúc A và Đỗ Đặng Khánh L, chị Đặng Thị L đều đảm bảo về mọi mặt cho hai con trong cuộc sống và cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, để cuộc sống của hai cháu được ổn định về sinh hoạt, học tập và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các cháu sau này, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả hai cháu Đỗ Đặng Trúc A và Đỗ Đặng Khánh L cho chị Đặng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu Đỗ Đặng Trúc A và Đỗ Đặng Khánh L trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Đặng Thị L không yêu cầu Anh Đỗ Đắc T cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Quá trình chung sống, chị Đặng Thị L và Anh Đỗ Đắc T không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đặng Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đặng Thị L, chị Đặng Thị L được ly hôn với Anh Đỗ Đắc T.

2. Về nuôi con chung: Giao cả hai cháu Đỗ Đăng Trúc A, sinh ngày 28/9/2007 và Đỗ Đăng Khánh L, sinh ngày 20/3/2009 cho chị Đặng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu Đỗ Đăng Trúc A và Đỗ Đăng Khánh L trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Đỗ Đắc T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đặng Thị L và Anh Đỗ Đắc T không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Đặng Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Đặng Thị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0005547 ngày 20/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Chị Đặng Thị L đã nộp đủ án phí, nay không phải nộp.

Án sơ thẩm xét xử công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên H;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường T, thành phố H
- (Chị L, anh T đăng ký kết hôn số: 141, Quyền số: 01, ngày 25/12/2007);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Trọng Cẩn

